

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP
TCLLCT-HC HỆ TT K39 *

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 3 năm 2020

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 39, TẠI TRƯỜNG

Khối kiến thức III: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiệp vụ công tác Đảng, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể nhân dân”

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
01	Nguyễn Văn Biên	09/9/1987	01	31	7.5	Bảy rưỡi	
02	Đoàn Văn Cường	15/6/1982	02	07	7.0	Bảy	
03	Ma Huyền Dữ	22/4/1985	03	13	7.0	Bảy	
04	Trần Văn Đại	14/10/1993	04	32	7.5	Bảy rưỡi	
05	Trần Tiến Đại	23/01/1979	05	14	7.0	Bảy	
06	Phạm Thế Đức	06/5/1992	06	08	7.0	Bảy	
07	Ngô Văn Giang	04/3/1993	07	19	7.5	Bảy rưỡi	
08	Đỗ Văn Giang	22/6/1986	08	01	7.5	Bảy rưỡi	
09	Trần Thị Hảo	15/9/1978	09	20	7.0	Bảy	
10	Trần Thị Hiền	18/4/1980	10	09	7.0	Bảy	
11	Dương Đức Hiếu	15/8/1990	11	15	7.0	Bảy	
12	Trần Thị Hoa	09/10/1989	12	10	8.0	Tám	
13	Nguyễn Thị Hòa	21/5/1990	13	33	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hoàng Lê Hoan	11/10/1985	14	37	7.5	Bảy rưỡi	
15	Vi Văn Hoi	14/4/1983	15	38	7.0	Bảy	
16	Lê Thị Hồng	03/10/1982	16	43	7.0	Bảy	
17	Nguyễn Thị Huệ	27/12/1979	17	21	7.0	Bảy	
18	Đỗ Mạnh Hùng	29/6/1973	18	25	7.0	Bảy	
19	Phạm Xuân Hưng	12/5/1981	19	11	7.0	Bảy	
20	Hoàng Văn Hưng	23/01/1983	20	02	7.0	Bảy	
21	Vũ Thị Huyền	24/7/1981	21	22	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Văn Huỳnh	06/6/1979	22	26	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Trung Kiên	19/12/1986	23	23	7.0	Bảy	
24	Trịnh Thị Lê	21/6/1979	24	03	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
25	Đoàn Thị Len	19/4/1987	25	04	8.0	Tám	
26	Đinh Thị Thùy Linh	22/6/1993	26	27	8.0	Tám	
27	Nguyễn Thị Phương Loan	19/8/1987	27	12	7.0	Bảy	
28	Ma Đình Lương	13/01/1986	28	39	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nông Thị Nghi	30/7/1982	29	16	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Xuân Ngọc	25/10/1988	30	28	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Nhẫn	26/6/1974	31	40	7.5	Bảy rưỡi	
32	Lâm Thanh Quyết	27/8/1978	32	17	7.0	Bảy	
33	Lý Thị Sinh	13/10/1988	33	05	7.0	Bảy	
34	Lê Văn Sơn	04/3/1988	34	44	7.5	Bảy rưỡi	
35	Lê Văn Sỹ	25/02/1990	35	41	7.5	Bảy rưỡi	
36	Trần Huy Thái	24/8/1993	36	42	8.0	Tám	
37	Dương Thùy Thanh	11/6/1979	37	34	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Hữu Thanh	10/4/1972	38	06	6.0	Sáu	
39	Nông Văn Thanh	11/7/1976	39	45	7.0	Bảy	
40	Ma Doãn Thành	04/10/1983	40	35	7.5	Bảy rưỡi	
41	Đặng Văn Thuật	19/10/1980	41	36	7.0	Bảy	
42	Cao Thị Thủy	15/10/1988	42	29	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Đặng Huyền Trang	20/12/1993	43	30	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Thu Trang	12/10/1990	44	46	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Xuân Trường	04/12/1991	45	47	7.0	Bảy	
46	Diệp Anh Tùng	26/11/1987	46	18	7.0	Bảy	
47	Trần Thị Văn	12/10/1990	47	24	8.0	Tám	
48	Triệu Thị Vần	11/3/1974	48	48	8.0	Tám	
49	Hoàng Tuấn Vũ	07/5/1993	49	49	7.0	Bảy	

THƯ KÝ



Nguyễn Phúc Ái

CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Huyền